

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 36/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: **Chị Khổng Minh N**, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Thôn P T, xã P T, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: **Anh Đào Văn H**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Đồn Biên Phòng ABC M L, xã M, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 59, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Khổng Minh N và anh Đào Văn H.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung:

+ Chị Khổng Minh N là người trực tiếp nuôi cháu Đào Phương T, sinh ngày 05/3/2006 cho đến khi cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi);

+ Anh Đào Văn H là người trực tiếp nuôi cháu Đào Trung H, sinh ngày 03/6/2010 cho đến khi cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

+ Anh Đào Văn H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Đào Phương T (Do chị N trực tiếp nuôi dưỡng) 4.000.000 đồng/tháng, tính từ tháng 05/2021 cho đến khi cháu T trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn chị Khổng Minh N và anh Đào Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Có một ngôi nhà xây 2 tầng với 140 m<sup>2</sup> (Một trăm bốn mươi mét vuông xây dựng) trên thửa đất 216m<sup>2</sup> tại thôn P T, xã P T, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội (Đất thuộc quyền sử dụng riêng của anh H), trị giá ngôi nhà là 560.000.000.000đ (Năm trăm sáu mươi triệu đồng). Chị N và anh H tự nguyện chia như sau: Anh H sở hữu ngôi nhà và thanh toán giá trị chênh lệch ngôi nhà cho chị N là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) và thanh toán theo phương thức trả dần như sau:

- Ngày 30/5/2021, anh H thanh toán cho chị N 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng);

- Ngày 28/11/2021, anh H thanh toán cho chị N 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);

- Ngày 28/5/2022, anh H thanh toán cho chị N 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);

- Ngày 28/11/2022, anh H thanh toán cho chị N 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng);

- Ngày 28/5/2023, anh H thanh toán cho chị N 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng);

- Ngày 28/11/2023, anh H thanh toán cho chị N 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng);

- Ngày 28/5/2024, anh H thanh toán cho chị N 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng);

- Ngày 28/11/2024, anh H thanh toán cho chị N số tiền còn lại là 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

Như vậy là phần giá trị tài sản thực tế đối với ngôi nhà sau khi chia anh H được hưởng là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

- Về án phí:

+ Chị Khổng Minh N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí chia tài sản chung là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 12.800.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng), thì chị N còn được hoàn lại 2.650.000 đồng (Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu số AA/2019/0002073 ngày 14/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sóc Cộp, tỉnh Sơn La.

+ Anh Đào Văn H phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí chia tài sản chung là 4.000.000

đồng (Bốn triệu đồng). Tổng hai khoản là 4.150.000 đồng (Bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*"Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015"*

*" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định của Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- CCTHA dân sự;
- Tòa án ND Tỉnh;
- UBND thị trấn Thuận Châu, h.Thuận Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Kỳ Việt**